

Bản án số: 925/2022/HS-PT

Ngày: 15 - 12 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 547/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Dạ T và đồng phạm do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 288/2022/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng nghị:

1/Nguyễn Dạ T (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh năm 1992 tại Vĩnh Long; Thường trú: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: chung cư The G, số 346 B, Phường X1, Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lâm Văn N và bà Nguyễn Thị D; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có chồng, có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (vắng mặt)

2/Phạm Hiếu T1 (tên gọi khác: G); Giới tính: Nam; Sinh năm 1978 tại TP. Hồ Chí Minh; Thường trú: Số 59 đường L, phường N, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn T2 và bà Nguyễn Thị N1; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 19/6/2018, bị Tòa án nhân dân quận T3 ra Quyết định số 57 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng, tháng 4/2020 chấp hành xong.

Nhân thân:

- Ngày 27/4/1998 bị Tòa án nhân dân Quận X3 xử phạt 16 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”, chấp hành xong ngày 12/01/1999, đã đóng án phí.

- Ngày 22/12/1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 14/5/2009, đã đóng án phí.

- Ngày 02/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 18/3/2015, đã đóng án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2020 (có mặt)

3/Trần Xuân T4 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1989 tại TP. Hồ Chí Minh; Thường trú: Số 291/19/13 đường T, Phường X14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm công; Con ông: Trần Xuân L và bà Ngô Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ là bà Trần Thị Mỹ L1, có 02 người con: lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/11/2006 bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2020 (có mặt).

4/Lê Mạnh V (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1993 tại TP. Hồ Chí Minh; Thường trú: Số 42-44 đường L, Phường X4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Làm công; Con ông: Lê Mạnh D và bà Trần Thị T5; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án:

- Ngày 03/01/2013, bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” chấp hành án xong ngày 06/9/2015;

- Ngày 21/9/2016, bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” chấp hành án xong ngày 17/01/2020;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2020 (có mặt).

Người bào chữa:

1/Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Dạ T theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Trịnh Bá T7 - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/Bào chữa cho bị cáo Phạm Hiếu T1 theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D2 - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3/Bào chữa cho bị cáo Trần Xuân T4 theo yêu cầu: Luật sư Hoàng Cao S – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

4/Bào chữa cho bị cáo Lê Mạnh V theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Nguyễn Văn T8 - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2020, Nguyễn Dạ T tham gia khóa học LEAD (Lập trình ngôn ngữ tư duy) do anh Trần Quốc P3 giảng dạy. Quá trình học, T và anh P3 phát sinh quan hệ tình cảm. Tháng 10/2020, T vay tiền của anh P3 và chị Hoàng Thị Thu H4 (trợ giảng của anh P3) mỗi người 350.000.000 đồng, với lãi suất là 2%/tháng. Sau đó, T không muốn tiếp tục quan hệ tình cảm với anh P3, nên tránh mặt nhưng anh P3 thường xuyên nhắn tin cho T yêu cầu T trả lại số tiền đã cho Thảo vay.

Khoảng 10 giờ ngày 20/11/2020, T điện thoại cho Phạm Hiếu T1 (bạn trai cũ của T) nói với Hiếu T1 muốn lấy lại tiền học phí đã đóng cho anh P3 và muốn cắt đứt mối quan hệ với anh P3. Bằng cách T sẽ hẹn anh P3 đến chung cư G để dàn cảnh đánh ghen đòi tiền anh P3, thì Hiếu T1 đồng ý. T điện thoại hẹn anh P3 đến căn hộ của Thảo vào lúc 22 giờ ngày 20/11/2020, còn Hiếu T1 điện thoại rủ Trần Xuân T4 cùng tham gia, Xuân T4 rủ thêm Lê Mạnh V. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Phạm Hiếu T1, Trần Xuân T4 và Lê Mạnh V đến chung cư G của Thảo bàn kế hoạch dàn cảnh đánh ghen khi T và anh P3 đang ngồi tâm sự tại phòng khách. T phân công Hiếu T1 đóng vai S5 là chồng của T, Xuân T4 dùng điện thoại của T để quay phim, V phụ Hiếu T1 đánh ghen. Sau khi thống nhất kế hoạch, T đưa cho Hiếu T1 giữ 01 thẻ từ để đi thang máy, đưa cho Xuân T4 01 điện thoại đi động hiệu Iphone để quay phim, rồi dẫn Xuân T4, Hiếu T1 và V đi xuống chung cư chờ, khi nào anh P3 đến thì T điện thoại cả nhóm biết để thực hiện như kế hoạch đã bàn. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi anh P3 đến căn hộ A3-7.15 chung cư G, thì T gọi điện thoại cho Hiếu T1 nói “anh P3 đang ở căn hộ”. Khoảng 05 phút sau, Hiếu T1, Xuân T4 và V đi vào căn hộ A3-7.15 khi Thảo và anh P3 đang ngồi nói chuyện, Xuân T4 sử dụng điện thoại Iphone quay phim, Hiếu T1 xưng tên là S5 chồng của T, nói anh P3 có quan hệ bất chính với T, yêu cầu anh P3 ngồi xuống ghế sofa rồi cùng V đánh vào người anh P3, sau đó kéo anh P3 vào phòng ngủ. Tại phòng ngủ, anh P3 ngồi trên giường, Hiếu T1 ngồi trên ghế nhỏ đối diện với anh P3 và nói “Tao là chồng của T, cấm mày liên lạc với T và phải cắt đứt quan hệ với T”, đồng thời ép anh P3 phải xin lỗi vì đã hẹn hò ngoại tình với T. Sau đó, Hiếu T1 giả vờ hỏi T “Có phải mày mượn số tiền 700 triệu đồng của người khác đưa cho thằng này tiêu xài không”, T giả vờ nói “không phải, không phải” rồi T nói với anh P3 “Thôi anh chuyển tiền 700 triệu đồng để em trả cho họ đi”, do lo sợ bị mất uy tín, danh dự nên anh P3 đồng ý. Thảo nói anh P3 chuyển tiền vào tài khoản số 6360205389674 của Trần Xuân T4 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Anh P3 đã chuyển vào tài khoản của Xuân T4 03 đợt, tổng cộng số tiền 700.000.000 đồng. Sau khi anh P3 chuyển tiền xong, Hiếu T1 yêu cầu anh P3 nhắn tin vào điện thoại của T với nội dung “Tôi tên Trần Quốc P3 có thiếu chị Nguyễn Dạ T số tiền 700 triệu đồng, nay tôi đã hoàn trả”. Sau khi nhận được tiền, T cùng Hiếu T1, Xuân T4 và V rời khỏi căn hộ.

Ngày 23/11/2020, Xuân T4 chuyển số tiền 550.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank cho T, còn lại 150.000.000 đồng T chia cho Hiếu T1, Xuân T4 và V mỗi người 50.000.000 đồng, số tiền chiếm đoạt được T cho bạn tên Phạm Thị Trúc Q mượn 200.000.000 đồng mua 01 chiếc nhẫn kim cương trị giá 310.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng trong tài khoản của T.

Ngày 01/12/2020, anh Trần Quốc P3 đến Công an Quận 4 trình báo sự việc bị Nguyễn Dạ T và đồng phạm cưỡng đoạt tài sản số tiền 700.000.000 đồng.

Ngày 21/12/2020, Lê Mạnh V ra đầu thú.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm 288/2022/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Nguyễn Dạ T 08 (tám) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạm Hiếu T1 08 (tám) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2020.

Trần Xuân T4 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2020.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Lê Mạnh V 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 39/KN-VKS-P2 kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tăng hình phạt đối với Nguyễn Dạ T, Phạm Hiếu T1, Trần Xuân T4 và Lê Mạnh V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Dạ T vắng mặt, tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bệnh tiêu hóa. Các bị cáo còn lại và người bào chữa cho các bị cáo có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của các bị cáo có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nhưng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi đã thực hiện. Các bị cáo phạm tội có tổ chức, phân công công việc cụ thể, thực hiện hành vi tảo bạo, chiếm đoạt số tiền lớn, phạm tội có tình tiết tăng nặng điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo V còn thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Mặc dù, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng có tình tiết tăng nặng, nên cấp sơ thẩm xử các bị cáo dưới khung hình phạt là chưa đủ căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm tăng hình phạt đối với 4 bị cáo như sau: Bị cáo T từ 14 -15 năm tù, bị cáo Hiếu T1 từ 13-14 năm tù, bị cáo Xuân T4 từ 12-13 năm tù, và bị cáo V từ 12-13 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Dạ T phát biểu: Các bị cáo có phân công công việc ở giai đoạn đầu, nhưng khi thực hiện hành vi chưa đề xuất số tiền chiếm đoạt, khi bị cáo T đe dọa thì do Phức sợ mất uy tín nên chuyển tiền, thời gian đe dọa và thời gian chuyển tiền là có khoảng cách chứ không phải ngay tức khắc. Mặc dù các bị cáo có tình tiết tăng nặng điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nhưng cấp sơ thẩm đã có cân nhắc khi áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Do vậy, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là chưa xem xét toàn diện vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hiếu T1 phát biểu: Luật sư đồng ý về tội danh mà sơ thẩm đã xét xử cho các bị cáo. Các bị cáo chưa có bàn bạc về việc phân chia số tiền chiếm đoạt, bị cáo Hiếu T1 chỉ đồng ý tham gia nhưng không có hứa hẹn số tiền được hưởng, bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt mà bị cáo được hưởng. Đề nghị Hội đồng xét xử nguyên bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm đã phân hóa vạch rõ vai trò của bị cáo trong vụ án này.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân T4 phát biểu: Quyết định kháng nghị cho rằng các bị cáo có cấu kết nên không được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, nhưng thật sự các bị cáo không có cấu kết, vì bị cáo Xuân T4 nghe bị cáo Hiếu T1 nói là đi đòi nợ cho bị cáo T, do anh P3 đang nợ tiền Thảo. Các bị cáo không có sự phân công trao đổi chặt chẽ, và không có sự phân chia hưởng lợi nên việc cho rằng các bị cáo phạm tội có tổ chức là chưa đủ căn cứ theo quy định tại Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự. Theo Điều 54 Bộ luật hình sự quy định thì khi có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 thì Hội đồng xét xử có quyền áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt được áp dụng. Trong vụ án này, các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận quyết định kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Mạnh V phát biểu: Các bị cáo có 01 tình tiết định khung, 01 tình tiết tăng nặng, nhưng đồng thời các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên mức án sơ thẩm đã xử là tương xứng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Trong vụ án này, bị cáo V thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm, trong bản án sơ thẩm đã nhận định và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự là tương xứng với hành vi của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quyết định kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Dạ T vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đang bị bệnh tiêu hóa. Xét, vụ án đã được Tòa án cấp phúc thẩm mở 04 phiên tòa để xét xử vụ án, nhưng bị cáo T đều vắng mặt tất cả các lần triệu tập. Trong đó, bị cáo có 03 lần nộp đơn xin hoãn phiên tòa, với lý do không đủ sức khỏe. Căn cứ khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự, và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa nhận định: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không có kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị với nội dung không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo; Nội dung kháng nghị liên quan đến việc áp dụng pháp luật (cụ thể là Điều 54 Bộ luật hình sự về việc xử dưới khung hình phạt) của cơ quan tiến hành tố tụng, không liên quan đến hành vi các bị cáo đã thực hiện và nội dung vụ án. Nội dung quyết định kháng nghị đã được tổng đạt cho các bị cáo. Do vậy, việc xét xử vắng mặt các bị cáo không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị cáo T theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[2] Bị cáo Nguyễn Dạ T và bị hại anh Trần Quốc P3 có mối quan hệ tình cảm từ trước. Tháng 10/2020, Thảo vay tiền của anh P3 và chị Hoàng Thị Thu H4 (trợ giảng của anh P3) mỗi người 350.000.000 đồng, với lãi suất là 2%/tháng. Sau đó, Thảo muốn cắt đứt quan hệ tình cảm với Phúc thì Phúc thường xuyên nhắn tin đòi tiền nhưng Thảo không có khả năng trả nợ. Ngày 20/11/2020, Thảo điện thoại hẹn Phạm Hiếu T1, nhờ Hiếu T1 dàn cảnh đánh ghen để cắt đứt mối quan hệ tình cảm với Phúc đồng thời ép anh P3 đưa số tiền 700.00.000 đồng để cản trừ cho số tiền đang nợ, Hiếu T1 đồng ý. Sau đó, Hiếu T1 rủ thêm Xuân T4, Xuân T4 rủ thêm Lê Mạnh V cùng tham gia. Khoảng 20 giờ cùng ngày, các bị cáo gặp nhau Thảo phân công Hiếu T1 đóng vai Sơn là

chồng của Thảo đánh ghen, đưa điện thoại cho Xuân T4 để dùng điện thoại quay phim, Vũ phụ Hiếu T1 đánh ghen. Sau khi thống nhất kế hoạch, Thảo đưa thẻ từ chung cư cho Hiếu T1. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi anh P3 đến căn hộ A3-7.15 chung cư G thì Thảo điện thoại Hiếu T1. Hiếu T1, Xuân T4 và Vũ đi vào căn hộ A3-7.15 khi Thảo và anh P3 đang ngồi nói chuyện trên ghế sofa phòng khách, Xuân T4 sử dụng điện thoại quay phim, Hiếu T1 xưng là chồng của Thảo, tát 1 cái vào mặt anh P3, Vũ đá 1 cái vào mặt anh P3, ép anh P3 vào phòng ngủ, Hiếu T1 bắt anh P3 phải xin lỗi vì đã hẹn hò ngoại tình với Thảo, Xuân T4 tiếp tục quay phim. Hiếu T1 nói nếu Phúc còn tiếp tục mối quan hệ với Thảo thì sẽ gửi clip cho gia đình Phúc. Sau đó, Thảo và Hiếu T1 yêu cầu Phúc chuyển khoản số tiền 700.000.000 đồng vào số tài khoản của Xuân T4. Anh P3 vì lo sợ mất uy tín, danh dự nên đã chuyển tiền.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Dạ T, Phạm Hiếu T1, Trần Xuân T4 và Lê Mạnh V phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội (Bản thân các bị cáo đồng ý và không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về nội dung này).

[3] Xét nội dung Quyết định kháng nghị số 39/KN0VKS-P2 ngày 05/7/2022:

[3.1] Các bị cáo đã dàn cảnh đánh ghen để dùng điện thoại quay lại video clip, đe dọa dùng video clip gửi cho gia đình bị hại, uy hiếp tinh thần làm cho bị hại lo sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự nên đã thực hiện việc chuyển tiền cho các bị cáo. Bên cạnh việc quay phim thì các bị cáo còn dùng vũ lực và khống chế bị hại đưa vào phòng ngủ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội.

Mặt khác, các bị cáo phạm tội có tổ chức, có sự bàn bạc phân công công việc là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Trong đó, bị cáo T là chủ mưu, bị cáo Hiếu T1 là người trực tiếp thực hiện hành vi với vai trò chính, các bị cáo còn lại tham gia với vai trò giúp sức tích cực. Riêng bị cáo Lê Mạnh V đã bị xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 250/2016/HSST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân quận T, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2020. Trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là chưa nghiêm khắc, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nên nội dung quyết định về việc đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét về việc bản án sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền đã chiếm đoạt, trong đó: Bị cáo T nộp lại số tiền 240.000.000 đồng và 01 nhẫn kim cương được định giá 310.000.000 đồng, bị cáo Xuân T4 nộp lại 50.000.000 đồng, bị cáo Hiếu T1 nộp lại số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo V đã nộp lại số tiền 50.000.000 đồng (Đã khắc phục xong trách nhiệm dân sự), là tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, bị cáo T hiện đang nuôi con nhỏ, mẹ già, lần đầu phạm tội, nhân thân tốt, trước khi phạm tội có nghề nghiệp ổn định. Các bị cáo V đầu thú, bị cáo Hiếu T1, Xuân T4 và Vũ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, Xuân T4, Hiếu Thành chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này”*. Đối chiếu với quy định trên, thì trong vụ án các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo là không sai. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung Quyết định kháng nghị về việc không được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi xem xét quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận một phần nội dung Quyết định kháng nghị số 39/KN-VKS-P2 ngày 05/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 288/2022/HS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Dạ T, Phạm Hiếu T1 (G), Trần Xuân T4, Lê Mạnh V phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Nguyễn Dạ T 10 (mười) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạm Hiếu T1 10 (mười) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2020.

Trần Xuân T4 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Lê Mạnh V 10 (mười) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2020.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phạm Hiếu T1 (G), Trần Xuân T4, Lê Mạnh V 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM (04 bản);
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- TTG CA TP.HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo (3))
- BCTN (1);
- Lưu (10) 25b (ẤnTTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên

